TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST - DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N (có mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị D (có mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Phạm Thị A (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Th (có mặt)

Cùng trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

3/ Hội L xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật của Hội L xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang: Bà Phạm Thị Út B - Chủ tịch hội (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Nguyên đơn có gởi tiền cho nhóm phụ nữ địa phương do Dương Thị D là trưởng nhóm, cụ thể ngày 18/12/2019 đưa cho bà Dương Thị D 30.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Từ khi gởi tiền đến nay nguyên đơn có nhận 1.450.000 đồng thì không nhận lãi nữa. Nguyên đơn yêu cầu bà D trả 30.000.000 đồng triền gốc và lãi suất là 18.750.000 đồng – 1.450.000 đồng = 17.300.000 đồng. Tổng tiền là 47.300.000 đồng. Tại phiên tòa bà N yêu cầu bà D trả cho bà 30.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất theo quy định phát sinh tính trong 02 năm.

Tại các lời khai của bị đơn bà Dương Thị D trình bày: Nhóm phụ nữ tiết kiệm ấp T, xã Đ do bà làm phó nhóm, bà Phạm Thị A làm trưởng nhóm, bà Nguyễn Thị Th làm thư ký. Ngày 18/12/2019 bà có nhận số tiền gốc và thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày. Bà D thống nhất trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi xin không trả. Tại phiên tòa bà D xin giảm lãi suất tính cho bà 0,1%/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Phạm Thị A trình bày:_Nhóm phụ nữ tiết kiệm ấp T, xã Đ do bà làm trưởng nhóm, bà Dương Thị D làm nhóm phó, bà Nguyễn Thị Th làm thư ký. Bà không có nhận số tiền của bà N, bà D nhận thì bà D có trách nhiệm trả cho bà Nga.

Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Nhóm phụ nữ tiết kiệm ấp T, xã Đ do bà A làm trưởng nhóm, bà D làm nhóm phó, bà làm thư ký. Bà không có nhận số tiền của bà N, bà D nhận thì bà D có trách nhiệm trả cho bà N.

Tại văn bản số 03/CV-HPN ngày 20/4/2022 của Hội L xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang trình bày: Việc thành lập Ban quản lý nhóm phụ nữ tiết kiệm (nhóm 1) ấp T, xã Đ trên cơ sơ biểu quyết của tất cả hội viên tham gia nhóm. Việc Ban quản lý nhóm phụ nữ tiết kiệm (nhóm 1) ấp T vay và nhận tiền của những người gởi vào Ban quản lý (theo hình thức gởi ngoài sổ tiết kiệm hàng tuần) là không đúng theo hướng dẫn của Hội L và mục đích khi thành lập nhóm. Dẫn đến đã nợ các hộ dân với lãi suất cao hơn lãi suất gởi vào nhóm và quy định của nhà nước. Đề nghị Tòa án huyện Châu Thành giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi suất, nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nguyên đơn khởi kiện đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Qua lời thừa nhận của bà Dương Thị D bà có nhận số tiền của bà N 30.000.000 đồng vào ngày 18/12/2019, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng. Bà D đồng ý trả số nợ gốc nhưng xin giảm lãi suất còn 0,1/tháng. Bà N không đồng ý yêu cầu giảm lãi của bà D, đề nghị tính lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng bà D thừa nhận có thỏa thuận vay tiền và thỏa thuận trả lãi suất. Nay bà D yêu cầu giảm lãi còn 0,1%tháng là không có căn cứ. Có vay thì phải có trả, trả đúng và trả đủ mới phù hợp quy định của pháp luật lẫn đạo lý. Nên yêu cầu giảm lãi của bà D không được chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng của các bên là cao so với quy định, nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…""*. Từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 19/12/2019 đến ngày 10/6/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 02 năm 05 tháng 21 ngày. Tại phiên tòa bà N bỏ một phần thời gian tính lãi cho bà D, chỉ tính lãi suất vi phạm trong 02 năm, đây là sự tự định đoạt của bà N và có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi bị đơn phải trả là 30.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm = 12.000.000 đồng – 1.450.000 (tiền lãi đã trả) = 10.550.000 đồng. Tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 40.550.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu phần án phí có giá ngạch là 40.550.000 đồng x 5% = 2.027.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

Buộc bà Dương Thị D phải trả cho bà Lê Thị N 40.550.000 đồng (nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 10.550.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị D phải chịu 2.027.500 đồng. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị N 1.182.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0010259 ngày 03/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.